

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Tháng 02 năm 2026

	Chỉ số giá tháng 02/2026 so với:				%
	Kỳ gốc 2024	Cùng kỳ năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 01 năm 2026	Chỉ số giá bình quân 02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
Chỉ số giá tiêu dùng	107,94	102,68	101,31	101,45	102,23
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,72	104,21	102,59	102,08	103,50
Trong đó: Lương thực	99,86	97,10	101,92	100,88	96,81
Thực phẩm	109,73	106,06	102,92	102,38	105,26
Ăn uống ngoài gia đình	106,56	102,60	101,82	101,87	101,94
Đồ uống và thuốc lá	101,91	101,87	100,47	100,68	101,86
May mặc, mũ nón và giày dép	102,71	102,79	100,98	100,44	102,83
Nhà ở và vật liệu xây dựng	123,03	104,51	100,90	101,49	104,26
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,63	103,21	101,66	101,13	102,73
Thuốc và dịch vụ y tế	109,58	100,85	100,04	100,02	100,90
Trong đó: Dịch vụ y tế	113,96	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	93,40	95,54	98,50	100,97	95,34
Bưu chính viễn thông	99,27	98,33	99,70	100,04	98,31
Giáo dục	107,59	103,54	100,01	100,00	103,54
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	109,14	103,80	100,00	100,00	103,80
Văn hoá, giải trí và du lịch	103,63	102,93	101,48	102,22	101,93
Hàng hóa và dịch vụ khác	109,78	104,14	102,37	102,02	103,23
Chỉ số giá vàng	224,66	184,43	117,94	112,64	176,72
Chỉ số giá đô la Mỹ	104,38	102,81	99,08	99,17	103,11